VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 57/2017/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2017*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 01 năm 2014 hướng dẫn một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 175/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 01 năm 2014 hướng dẫn một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 01 năm 2014 hướng dẫn một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài như sau:

1. Sửa đổi Điều 1 như sau:

"**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện

tử có thưởng dành cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là Nghị định số 86/2013/NĐ-CP) và Nghị định số 175/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là Nghị định số 175/2016/NĐ-CP)."

2. Sửa đổi Điều 3 như sau:

"**Điều 3. Điểm kinh doanh**

1. Doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) có trách nhiệm bố trí Điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo đúng quy định tại Điều 5 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP.

2. Doanh nghiệp phải bố trí các thiết bị điện tử và hệ thống camera để theo dõi, giám sát thường xuyên toàn bộ hoạt động trong Điểm kinh doanh (24/24h), trong đó phải đảm bảo theo dõi được các vị trí cơ bản sau:

a) Cửa ra, vào Điểm kinh doanh;

b) Khu vực bố trí các máy trò chơi điện tử có thưởng để đảm bảo theo dõi được hoạt động của người chơi tại từng máy trò chơi điện tử có thưởng;

c) Khu vực thu ngân, kho quỹ kiểm đếm tiền mặt, đồng tiền quy ước và lưu giữ thiết bị đựng tiền mặt, đồng tiền quy ước.

3. Hình ảnh tại các vị trí quy định tại Khoản 2 Điều này phải được lưu trữ đầy đủ trong thời hạn tối thiểu là ba mươi (30) ngày kể từ ngày ghi hình. Trong trường hợp cần thiết, thời gian lưu trữ có thể kéo dài hơn theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Doanh nghiệp phải xây dựng quy chế giám sát, theo dõi an ninh đối với Điểm kinh doanh, trong đó quy định rõ khu vực giám sát, theo dõi an ninh, khu vực lưu trữ hồ sơ, hình ảnh, những đối tượng được phép ra, vào khu vực giám sát, theo dõi an ninh.

5. Doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp quy chế, tài liệu, hồ sơ, hình ảnh cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện công tác quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra."

3. Sửa đổi Điều 5 như sau:

"**Điều 5. Số lượng, chủng loại máy và loại hình trò chơi điện tử có thưởng**

1. Doanh nghiệp được quyền quyết định số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng thực tế kinh doanh nhưng không được phép vượt quá số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng tối đa được phép kinh doanh theo quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoặc quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP.

2. Căn cứ số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng thực tế doanh nghiệp tổ chức kinh doanh, doanh nghiệp được lựa chọn chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng và tỷ lệ máy trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày doanh nghiệp bắt đầu tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Cục Thuế địa phương về số lượng, chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng và tỷ lệ máy trò chơi điện tử có thưởng thực tế kinh doanh để theo dõi, quản lý.

4. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp được quyền thay đổi số lượng, chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng và tỷ lệ máy trò chơi điện tử có thưởng nhưng phải đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về số lượng, chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng và tỷ lệ máy trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại Thông tư này, Nghị định số 175/2016/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

Trường hợp có thay đổi về số lượng, chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng và tỷ lệ máy trò chơi điện tử có thưởng, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi về số lượng, chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng và tỷ lệ máy trò chơi điện tử có thưởng, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Cục Thuế địa phương để theo dõi, quản lý. ”

4. Sửa đổi Điều 6 như sau:

“Điều 6. Quản lý đồng tiền quy ước

1. Đồng tiền quy ước để thay thế tiền mặt sử dụng trong Điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng của doanh nghiệp được thể hiện dưới các hình thức sau đây:

a) Đồng xèng;

b) Thẻ, phiếu;

c) Điểm quy đổi;

d) Các hình thức thay thế tiền mặt khác do doanh nghiệp quy định.

2. Đồng tiền quy ước quy định tại điểm a và điểm b Khoản 1 Điều này phải có các thông tin cơ bản sau:

a) Tên hoặc biểu tượng của doanh nghiệp;

b) Mã số, ký hiệu của đồng tiền quy ước;

c) Mệnh giá của đồng tiền quy ước;

d) Tên, ký hiệu nhà sản xuất, cung cấp (nếu có);

đ) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

3. Tối thiểu năm (05) ngày làm việc trước khi đưa đồng tiền quy ước vào kinh doanh, doanh nghiệp phải đăng ký về hình thức, mẫu mã, số lượng, chủng loại đồng tiền quy ước với Sở Tài chính và cơ quan thuế trực tiếp quản lý tại địa phương để theo dõi, quản lý.

4. Doanh nghiệp được quyền tạm ngừng sử dụng đồng tiền quy ước đã đăng ký với các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại Khoản 3 Điều này theo nhu cầu quản lý. Trước thời điểm tạm ngừng sử dụng đồng tiền quy ước tối thiểu năm (05) ngày làm việc, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản cho các cơ quan này. Nội dung thông báo phải nêu rõ thời điểm tạm ngừng sử dụng đồng tiền quy ước, lý do tạm ngừng sử dụng đồng tiền quy ước, thời gian dự kiến tiếp tục sử dụng trở lại. Trường hợp có thay đổi về thời điểm tiếp tục sử dụng đồng tiền quy ước trở lại, doanh nghiệp phải thông báo cho các cơ quan này bằng văn bản.

5. Doanh nghiệp phải mở Sổ theo dõi quản lý đồng tiền quy ước, bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Hình thức đồng tiền quy ước;

b) Số lượng, chủng loại đồng tiền quy ước doanh nghiệp mua, tái xuất hoặc tiêu hủy, trong đó cụ thể theo từng mệnh giá và loại ngoại tệ, ngày mua, tái xuất hoặc tiêu hủy, tên nhà sản xuất, cung cấp (nếu có) đối với đồng tiền quy ước quy định tại điểm a và điểm b Khoản 1 Điều này;

c) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

6. Việc mua, tái xuất hoặc tiêu hủy đồng tiền quy ước được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, Điều 8 Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan."

5. Sửa đổi Điều 7 như sau:

"**Điều 7. Quản lý các thiết bị dự phòng của máy trò chơi điện tử có thưởng**

1. Chỉ doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và doanh nghiệp quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP mới được phép mua các thiết bị dự phòng của máy trò chơi điện tử có thưởng để thay thế khi cần thiết theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP.

2. Thiết bị dự phòng của máy trò chơi điện tử có thưởng doanh nghiệp được phép mua bao gồm:

a) Màn hình;

b) Hệ thống nhận tiền mặt, đồng tiền quy ước;

c) Hệ thống trả thưởng;

d) Hệ thống lưu trữ;

đ) Bảng mạch.

3. Số lượng từng thiết bị dự phòng tại Khoản 2 Điều này không được vượt quá 10% trên tổng số thiết bị cùng chủng loại của các máy trò chơi điện tử có thưởng doanh nghiệp đang thực tế kinh doanh.

4. Thiết bị dự phòng của máy trò chơi điện tử có thưởng quy định tại Khoản 2 Điều này phải là thiết bị mới 100%.

5. Doanh nghiệp phải mở Sổ quản lý đối với từng thiết bị dự phòng của máy trò chơi điện tử có thưởng, bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Số lượng, chủng loại cụ thể thiết bị dự phòng của máy trò chơi điện tử có thưởng doanh nghiệp mua, tái xuất hoặc tiêu hủy;

b) Ngày mua, tái xuất hoặc tiêu hủy;

c) Tên nhà sản xuất, cung cấp;

d) Ký hiệu (số series) của thiết bị (nếu có);

đ) Năm sản xuất;

e) Năm hết hạn sử dụng (nếu có);

g) Ngày đưa vào sử dụng đối với từng thiết bị;

h) Lý do đưa vào sử dụng.

6. Khi đưa thiết bị dự phòng của máy trò chơi điện tử có thưởng vào thay thế, doanh nghiệp phải lập biên bản ghi rõ máy có thiết bị được thay thế, thiết bị được thay thế và lý do thay thế.

7. Việc thay thế thiết bị dự phòng phải đảm bảo nguyên tắc:

a) Không làm ảnh hưởng đến tỷ lệ trả thưởng tối thiểu quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP;

b) Không làm tăng số lượng máy, chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng được phép kinh doanh."

6. Sửa đổi Điều 12 như sau:

"Điều 12. Hồ sơ, quy trình thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Các doanh nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 19 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP được xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Hồ sơ, quy trình, thủ tục, nội dung thẩm định xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và Khoản 7, Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, trong đó Đơn xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Khi xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính căn cứ vào tổng số buồng lưu trú tại cơ sở lưu trú du lịch thực tế đang kinh doanh để xác định số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP.

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng do Bộ Tài chính cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này."

7. Sửa đổi Điều 13 như sau:

"**Điều 13. Hồ sơ, quy trình thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh**

1. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP bao gồm:

a) Đơn xin cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực;

c) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp đã bị mất, thất lạc, bị hư hỏng (nếu có).

2. Quy trình thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP.

3. Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cấp lại là thời hạn hoạt động còn lại được quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cấp, cấp lại hoặc điều chỉnh tại thời điểm gần nhất."

8. Sửa đổi Điều 14 như sau:

"**Điều 14. Hồ sơ, quy trình thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh**

1. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP bao gồm:

a) Đơn xin điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực;

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

d) Các tài liệu chứng minh nội dung điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quy trình thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh điều chỉnh cho doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP.

3. Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh điều chỉnh là thời hạn hoạt động còn lại được quy định tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cấp, cấp lại hoặc điều chỉnh tại thời điểm gần nhất."

9. Sửa đổi Điều 15 như sau:

"**Điều 15. Hồ sơ, quy trình thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh**

1. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP bao gồm:

a) Đơn xin gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh còn hiệu lực tối thiểu là sáu (06) tháng trước khi làm đơn xin gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

c) Các hồ sơ quy định tại Khoản 4, 5, 7 và 8 Điều 20 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP;

d) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu biên bản kết luận đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh của cơ quan kiểm tra đối với các đợt kiểm tra định kỳ theo quy định tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP và điểm b Khoản 3 Điều 33 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP.

đ) Phương án kinh doanh, bao gồm các nội dung chủ yếu:

- Tình hình kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, bao gồm: Số

lượng máy trò chơi điện tử có thưởng tối đa được phép kinh doanh, thông tin về Điểm kinh doanh (vị trí, diện tích), số lượng, chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng thực tế doanh nghiệp đang kinh doanh, kết quả kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng của doanh nghiệp trong ba (03) năm gần nhất tới thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (doanh thu, chi phí, lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách nhà nước) và tình hình chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong thời gian kinh doanh;

- Dự kiến kế hoạch kinh doanh trong thời gian tới, bao gồm: Số lượng, chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng đề xuất được phép kinh doanh, dự kiến doanh thu, chi phí, lợi nhuận, dự kiến nhu cầu thu, chi ngoại tệ, giải pháp đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội đối với Điểm kinh doanh, thời gian đề nghị gia hạn, kế hoạch triển khai thực hiện và cam kết của doanh nghiệp chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong thời gian tới.

2. Quy trình thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 21 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan gồm: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng thẩm định hồ sơ theo các nội dung phù hợp với các điều kiện quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP. ”

10. Sửa đổi Điều 16 như sau:

“Điều 16. Phí cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Phí cấp, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp là 150.000.000 đồng.

2. Phí cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp là 20.000.000 đồng.

3. Phí cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước.

4. Sau khi thẩm định doanh nghiệp đủ điều kiện được cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Bộ Tài chính thông báo cho doanh nghiệp nộp phí theo quy định của pháp luật.

5. Sau khi nhận được thông báo của Bộ Tài chính, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp phí vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành theo quy định của Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày

26/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung (nếu có) và gửi một (01) liên giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước đến Bộ Tài chính. Doanh nghiệp chỉ được cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sau khi đã nộp phí vào ngân sách nhà nước."

11. Sửa đổi Điều 29 như sau:

"Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp

Các doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP đang tổ chức kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng được tiếp tục kinh doanh các máy trò chơi điện tử có thưởng đã mua phù hợp với quy định pháp luật qua các thời kỳ cho đến khi thay thế máy mới. Trường hợp thay thế máy mới phải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, Nghị định số 175/2016/NĐ-CP và Thông tư này."

Điều 2. Bãi bỏ Điều 9 và Điều 10 của Thông tư số 11/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 01 năm 2014 hướng dẫn một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2017.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu